

Bản án số: 41/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 07-05-2026

V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3- LÀO CAI

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương;

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Văn Đạo

2. Bà Bò Thị Hoa

- Thư ký phiên toà: Bà Mai Thu Huyền Trang – Thư ký Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 – Lào Cai tham gia phiên toà:
Ông Đinh Phú Ngọc - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2026/TLST-HNGĐ ngày 02-04-2026 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 38/2026/QĐXX-ST ngày 20 tháng 4 năm 2026, giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Chị Triệu Thị T, sinh năm 1995;

Căn cước công dân: 015195004386, cấp ngày 07-5-2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: Thôn H, xã V, tỉnh Lào Cai, có mặt

+ Bị đơn: Anh Lý Sinh Q, sinh năm 1986;

Căn cước công dân: 015086005275, cấp ngày 07-5-2021, nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

Địa chỉ: Thôn H, xã V, tỉnh Lào Cai, vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2026 và những lời khai tiếp theo cũng như tại phiên toà nguyên đơn chị Triệu Thị T trình bày:

Chị và anh Lý Sinh Q trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 15/6/2012. Sau khi kết hôn, chị và anh Q chung sống cùng gia đình nhà chồng tại thôn H, xã V nay là xã V. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không phù hợp, vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi cọ. Mâu thuẫn giữa chị và anh Q hai bên gia đình có biết, đã phân tích hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn không

khắc phục được. Đến nay chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lý Sinh Q.

Về con chung: Chị Triệu Thị T và anh Lý Sinh Q có 02 người con chung, Lý Thị Bảo P, sinh ngày 06/11/2015 và Lý Thị Thanh T1, sinh ngày 06/7/2018. Ly hôn chị T có nguyện vọng để anh Q trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị T và anh Q tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Lý Sinh Q trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi kết hôn với chị Triệu Thị T trước khi kết hôn có được tìm hiểu và tự nguyện. Đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 15/6/2012. Sau khi kết hôn, chúng tôi chung sống cùng gia đình nhà tôi tại Thôn H, xã V. Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến khoảng tháng 12 năm 2025 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không tin tưởng nhau, vợ chồng có xảy ra xô xát, cãi cọ, bất đồng quan điểm sống. Mâu thuẫn giữa tôi và chị T hai bên gia đình có biết, có phân tích hòa giải nhưng mâu thuẫn vợ chồng vẫn chưa được khắc phục. Đến nay chị T xin ly hôn tôi, tôi xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Tôi và chị T có 02 người con chung, Lý Thị Bảo P, sinh ngày 06/11/2015 và Lý Thị Thanh T1, sinh ngày 06/7/2018. Nếu ly hôn tôi có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng cả hai người con. Về cấp dưỡng nuôi con tôi và chị T tự thỏa thuận, tôi không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tiến hành hòa giải, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn cương quyết xin ly hôn, anh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn và không đồng ý ly hôn.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện khu vực 3 – Lào Cai phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; quyền và nghĩa vụ của các đương sự được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Triệu Thị T được ly hôn bị đơn anh Lý Sinh Q; Về con chung: Giao anh Q trực

tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai người con chung là cháu Lý Thị Bảo P, sinh ngày 06/11/2015 và Lý Thị Thanh T1, sinh ngày 06/7/2018. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, trên cơ sở xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Lý Sinh Q có hộ khẩu thường trú tại thôn H, xã V, tỉnh Lào Cai. Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 – Lào Cai.

Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa anh Lý Sinh Q là bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh Lý Sinh Q.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T và anh Lý Sinh Q kết hôn có tìm hiểu và tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V, huyện T, tỉnh Yên Bái ngày 15 tháng 6 năm 2012. Việc kết hôn đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật Hôn nhân và Gia đình. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Triệu Thị T và anh Lý Sinh Q là hợp pháp.

[3] Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử thấy: Quá trình chung sống chị T và anh Q tính cách không phù hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xảy ra xô xát, cãi cọ, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã được hai bên gia đình phân tích, hòa giải nhưng tình cảm vợ chồng vẫn không được cải thiện, vợ chồng đã sống ly thân mỗi người một nơi. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã hoà giải nhưng không thành, chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện được ly hôn anh Q. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng vẫn còn không đồng ý ly hôn nhưng trong suốt quá trình Toà án giải quyết vụ án chị T và anh Q không cải thiện được tình cảm vợ chồng, chị T vẫn cương quyết ly hôn anh Q. Từ những phân tích trên thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Q đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị T là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Triệu Thị T đối với anh Lý Sinh Q.

[4] Về con chung: Chị Triệu Thị T và anh Lý Sinh Q có 02 người con chung Lý Thị Bảo P, sinh ngày 06/11/2015 và Lý Thị Thanh T1, sinh ngày 06/7/2018. Ly hôn chị T và anh Q thỏa thuận giao anh Q trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cả hai người con chung là cháu P và cháu T1. Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận về việc nuôi con của chị T và anh Q là tự nguyện, cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu P và cháu T1 về việc có nguyện vọng được ở với anh Q. Do

đó cần ghi nhận sự thoả thuận của chị T và anh Q về việc giao anh Lý Sinh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai người con chung là cháu P và cháu T1. Về cấp dưỡng nuôi con chị T và anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết Hội đồng xét xử không xét.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Triệu Thị T và anh Lý Sinh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[6] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chị Triệu Thị T là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 271; Điều 273, khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị T được ly hôn anh Lý Sinh Q.

2. Về con chung: Công nhận sự thoả thuận giữa chị Triệu Thị T và anh Lý Sinh Q. Giao anh Lý Sinh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Lý Thị Bảo P, sinh ngày 06/11/2015 và Lý Thị Thanh T1, sinh ngày 06/7/2018, đến khi cháu P, cháu T1 đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chị Triệu Thị T và anh Lý Sinh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Triệu Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị Triệu Thị T đã nộp theo biên lai số 0001200 ngày 02-4-2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Lào Cai. Xác nhận chị Triệu Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Triệu Thị T có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Lý Sinh Q vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lào Cai;
- VKSND khu vực 3;
- Thi hành án DS tỉnh Lào Cai;
- UBND xã V, tỉnh Lào Cai;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hương

